

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

Chọn chữ cái trước ý trả lời đúng nhất trong các câu sau rồi ghi vào giấy làm bài.

Câu 1: Trong các cách viết sau cách viết nào cho ta phân số?

- A. $\frac{4}{7}$. B. $\frac{0,25}{-7}$. C. $\frac{5}{0}$. D. $\frac{3,1}{7,4}$.

Câu 2: Phân số nào sau đây bằng phân số $\frac{3}{4}$?

- A. $\frac{13}{20}$. B. $\frac{4}{3}$. C. $\frac{6}{8}$. D. $\frac{75}{10}$.

Câu 3: Phân số nghịch đảo của phân số $\frac{-7}{9}$ là

- A. $\frac{9}{7}$. B. $\frac{-9}{7}$. C. $\frac{7}{9}$. D. $\frac{7}{-9}$.

Câu 4: Hãy chọn cách so sánh đúng?

- A. $\frac{-2}{4} < \frac{-3}{4}$. B. $\frac{-4}{5} < \frac{-3}{5}$. C. $\frac{1}{4} < \frac{-3}{4}$. D. $\frac{-1}{6} < \frac{-5}{6}$.

Câu 5: Cho $\frac{-15}{x} = \frac{3}{4}$ khi đó giá trị của x là

- A. 20. B. 57. C. 63. D. -20.

Câu 6: Kết quả của phép tính $(-2) : \frac{2}{5}$ bằng

- A. $\frac{-4}{5}$. B. $\frac{4}{5}$. C. -5. D. 5.

Câu 7: $\frac{1}{4}$ của 20 là

- A. 4. B. 5. C. 6. D. 7.

Câu 8: Biết $\frac{5}{6}$ của x là 2. Giá trị của x là

- A. $\frac{12}{5}$. B. $\frac{5}{3}$. C. $\frac{5}{12}$. D. $\frac{3}{5}$.

Câu 9: Phân số $-\frac{21}{5}$ viết dưới dạng hỗn số là

- A. $-1\frac{5}{4}$. B. $-1\frac{4}{5}$. C. $-5\frac{1}{4}$. D. $-4\frac{1}{5}$.

Câu 10: Số đối của số thập phân -1,2 là

- A. 12. B. 1,2. C. -12. D. 0,12.

Câu 11: Số 5,249 được làm tròn đến hàng phần mười là

- A. 5,6. B. 5,3. C. 5,2. D. 5,1.

Câu 12: Phân số thập phân $\frac{-8}{1000}$ được viết dưới dạng số thập phân là

- A. -0,8. B. -0,08. C. -0,008. D. -0,0008.

Câu 13: Sắp xếp các số thập phân 7,3 ; -15,7 ; -0,9 ; 6,2 theo thứ tự giảm dần ta được

A. 7,3 ; 6,2 ; -0,9 ; -15,7 .

B. 7,3 ; 6,2 ; -15,7 ; -0,9 .

C. -15,7 ; -0,9 ; 6,2 ; 7,3 .

D. -0,9 ; -15,7 ; 6,2 ; 7,3 .

Câu 14: Giá trị của biểu thức $A = 2x + 1,5$ khi $x = -1,5$ là

A. 0 .

B. 1,5 .

C. 2 .

D. -1,5 .

Câu 15: Một sợi dây dài $9m$, 75% chiều dài của sợi dây là

A. $2,25m$.

B. $5,41m$.

C. $6,75m$.

D. $3,25m$.

Câu 16: Biết $5,7 + x = 3,2$. Giá trị của x bằng

A. 2,5 .

B. -2,5 .

C. 5,2 .

D. -5,2 .

Câu 17: Có bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt A và B ?

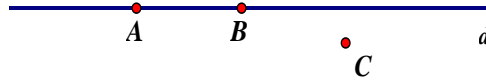
A. 1 .

B. 2 .

C. 3 .

D. vô số đường thẳng.

Câu 18: Quan sát hình vẽ và cho biết đâu là khẳng định đúng?



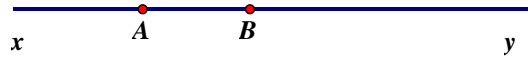
A. Điểm A thuộc đường thẳng d .

B. Điểm C thuộc đường thẳng d .

C. Đường thẳng AB đi qua điểm C .

D. Ba điểm A, B, C thẳng hàng .

Câu 19: Quan sát hình vẽ và cho biết tia đối của tia AB là tia



A. BA .

B. Ay .

C. Ax .

D. Bx .

Câu 20: Cho đoạn thẳng $AB = 6cm$. M là một điểm thuộc đoạn AB sao cho $MB = 5cm$. Khi đó độ dài đoạn MA là

A. $11cm$.

B. $3cm$.

C. $2cm$.

D. $1cm$.

PHẦN II. TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu 1. (2 điểm)

1) Thực hiện các phép tính (tính hợp lí nếu có thể):

a) $\frac{3}{5} + \frac{-4}{9}$

b) $\frac{-3}{7} \cdot \frac{2}{5} + \frac{-3}{7} \cdot \frac{3}{5}$

2) Tìm x , biết: $75\% - \frac{1}{5}x = 3,75$

Câu 2. (1 điểm) Ông Ba muốn lát gạch và trồng cỏ cho sân vườn nhà mình. Biết diện tích phần trồng cỏ bằng $\frac{1}{5}$ diện tích sân vườn và diện tích phần còn lại của sân vườn để lát gạch là $36 m^2$.

a) Tính diện tích sân vườn nhà ông Ba.

b) Giá $1 m^2$ cỏ là 50000 đồng. Hỏi số tiền ông Ba cần mua cỏ để trồng là bao nhiêu?

Câu 3. (1,5 điểm) Trên tia Ox lấy hai điểm A và B sao cho $OA = 3cm$, $OB = 7cm$.

a) Tính độ dài đoạn thẳng AB .

b) Gọi H là trung điểm của OA . Tính độ dài đoạn thẳng HB .

Câu 4. (0,5 điểm)

Chứng minh rằng $A = \frac{1}{2^2} + \frac{1}{3^2} + \frac{1}{4^2} + \dots + \frac{1}{10^2} < 1$.

-----Hết-----

Họ và tên học sinh:..... Số báo danh:.....

ĐÁP ÁN


I. TRẮC NGHIỆM (5 điểm): Mỗi câu đúng 0,25 điểm

MÃ ĐỀ		MÃ ĐỀ		MÃ ĐỀ		MÃ ĐỀ	
Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án

1	A	1		1		1	
2	C	2		2		2	
3	B	3		3		3	
4	B	4		4		4	
5	D	5		5		5	
6	C	6		6		6	
7	B	7		7		7	
8	A	8		8		8	
9	D	9		9		9	
10	B	10		10		10	
11	C	11		11		11	
12	C	12		12		12	
13	A	13		13		13	
14	D	14		14		14	
15	C	15		15		15	
16	B	16		16		16	
17	A	17		17		17	
18	A	18		18		18	
19	C	19		19		19	
20	D	20		20		20	

II. TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu	Sơ lược các bước giải	Điểm
Câu 1		2,0 điểm
1	a) $\frac{3}{5} + \frac{-4}{9}$	
	$= \frac{27}{45} + \frac{-20}{45}$	0,5
	$= \frac{7}{45}$	0,25
	b) $\frac{-3}{7} \cdot \frac{2}{5} + \frac{-3}{7} \cdot \frac{3}{5}$	
$= \frac{-3}{7} \cdot \left(\frac{2}{5} + \frac{3}{5} \right)$	0,25	
$= \frac{-3}{7} \cdot 1$	0,25	
$= \frac{-3}{7}$	0,25	
2	$75\% - \frac{1}{5}x = 3,75$	
	$0,75 - \frac{1}{5}x = 3,75$	
	$-\frac{1}{5}x = 3,75 - 0,75$	0,25
	$-\frac{1}{5}x = 3$ $x = 3 : \left(-\frac{1}{5}\right)$ $x = -15$	0,25

	Vậy $x = -15$	
Câu 2		1,0 điểm
a)	Phân số biểu thị diện tích phần lát gạch là : $1 - \frac{1}{5} = \frac{4}{5}$ (diện tích sân vườn)	0,25
	Diện tích sân vườn là: $36 : \frac{4}{5} = 45 (m^2)$	0,25
b)	Diện tích đất trồng cỏ là: $45 - 36 = 9 (m^2)$	0,25
	Vậy số tiền mua $9 m^2$ cỏ là: $9.50000 = 450000$ (đồng)	0,25
Câu 3		1,5 điểm
		0,5
a)	Vì điểm A nằm giữa hai điểm O và B $\Rightarrow OA + AB = OB$	0,25
	$\Rightarrow AB = OB - OA = 7 - 3 = 4(cm)$ Vậy độ dài đoạn thẳng AB là 4 cm	0,25
b)	Vì H là trung điểm của đoạn thẳng OA nên $OH = HA = \frac{OA}{2} = \frac{3}{2} = 1,5cm$	0,25
	Vì điểm A nằm giữa hai điểm H và B $\Rightarrow HB = HA + AB$ $HB = 1,5 + 4 = 5,5cm$ Vậy độ dài đoạn thẳng HB là 5,5 cm	0,25
Câu 4		0,5 điểm
	$A = \frac{1}{2^2} + \frac{1}{3^2} + \frac{1}{4^2} + \dots + \frac{1}{10^2} < \frac{1}{1.2} + \frac{1}{2.3} + \frac{1}{3.4} + \dots + \frac{1}{9.10}$	0,25
	$A < 1 - \frac{1}{2} + \frac{1}{2} - \frac{1}{3} + \frac{1}{3} - \frac{1}{4} + \dots + \frac{1}{9} - \frac{1}{10}$	
	$A < 1 - \frac{1}{10}$ $A < 1$ Vậy $A < 1$	0,25

ĐỀ 2

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 LỚP 6

KẾT NỐI TRI THỨC

Môn: TOÁN

I. TRẮC NGHIỆM: (3 điểm)

Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng và ghi vào giấy kiểm tra.

Câu 1. Trong các cặp phân số sau, cặp phân số nào bằng nhau ?

- A. $\frac{1}{-2}$ và $\frac{-1}{-2}$ B. $\frac{3}{-5}$ và $\frac{3}{-4}$ C. $\frac{4}{-3}$ và $\frac{-5}{-3}$ D. $\frac{3}{-4}$ và $\frac{-3}{4}$

Câu 2. Thời gian 10 phút chiếm bao nhiêu phần của một giờ?

A. $\frac{1}{3}$

B. $\frac{1}{5}$

C. $\frac{1}{6}$

D. $\frac{1}{10}$

Câu 3. Phân số lớn hơn $\frac{5}{6}$ là:

A. $\frac{-13}{-18}$

B. $\frac{-16}{21}$

C. $\frac{11}{12}$

D. $\frac{25}{30}$

Câu 4. $\frac{3}{4}$ của 60 bằng:

A. 12

B. 15

C. 30

D. 45

Câu 5. Trong các chữ cái dưới đây, chữ cái nào có trục đối xứng?

M G E R X

A. M, G, E

B. M, E, X

C. G, R, X

D. E, R, X

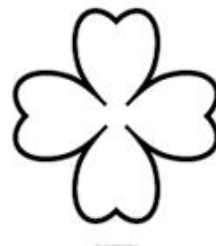
Câu 6. Hình nào sau đây có tâm đối xứng?



Hình a



Hình b



Hình c

A. Hình a, b

B. Hình a, c

C. Hình b, c

D. Hình a, b, c

II. TỰ LUẬN: (7 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Thực hiện phép tính (tính bằng cách hợp lý nếu có thể)

a) $\frac{5}{-7} + \frac{-1}{-7}$

b) $\frac{-2}{3} - 2\frac{4}{5}$

c) $\frac{-2}{7} \cdot \frac{5}{-9}$

d) $\frac{1}{3} \cdot \frac{-2}{33} + \frac{1}{-4} \cdot \frac{-2}{33} + \frac{-1}{12} \cdot \frac{-2}{33}$

Bài 2. (1,5 điểm) Tìm x, biết (1,5 điểm)

a) $\frac{-5}{6} + x = \frac{-1}{4}$